

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HTXNNYC/2024

I. Thông tin về cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên cơ sở kinh doanh: HTX NÔNG NGHIỆP YÊN CÔNG

Loại hình tổ chức: Hợp tác xã

Giấy chứng nhận đăng ký HTX số: 4800920620, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 21 tháng 9 năm 2021.

Địa chỉ: xóm Hồng Quang 2, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0966 085 384

Tên người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã: Tạ Thị Thu Yên

Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 26/2024/NNPTNT-TPCB cấp ngày 12/12/2024.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nấm hương tươi Cao Bằng

2. Thành phần: 100% nấm hương tươi

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 7 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì đóng gói: Sản phẩm được đựng trực tiếp trong hộp nhựa có nắp đậy kín đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khối lượng tịnh: 300gam hoặc 500gam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hợp tác xã nông nghiệp Yên Công kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế quy định giới hạn ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Đạo, ngày 12 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Tạ Thị Thu Yên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG CÔNG BỐ
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NẤM HƯƠNG TƯƠI CAO BẰNG

1. Thông tin chung:

- Sản phẩm: Nấm hương tươi Cao Bằng
- Tên cơ sở kinh doanh: HTX NÔNG NGHIỆP YÊN CÔNG
- Địa chỉ: xóm Hồng Quang 2, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Các nội dung công bố:

STT	Chỉ tiêu	Mức công bố
1	As	0,010 – 0,020 mg/kg
2	Cadimi	1,30 – 1,50 mg/kg
3	Chì	< 0,01mg/kg
4	Tổng số VSV hiếu khí	1,0 – 1,9 x10 ³ CFU/g
5	Coloforms	< 10 CFU/g
6	E.coli	< 10 CFU/g
7	Staphylococcus aureus	< 10 CFU/g
8	Clostridium	< 10 CFU/g
9	Salmonella	Không phát hiện
10	Aflatoxin B1	Không phát hiện
11	Cyromazine	Không phát hiện (LOD = 0.003 µg/kg)
12	Deltamethrin	Không phát hiện (LOD = 0.003 µg/kg)

Hưng Đạo, ngày 12 tháng 11 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Tạ Thị Thu Yên

HÌNH ẢNH TEM, TÚI



Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y669K0217

Mã KQ/ RP. No: 001009919.01

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả Mã số 3Y669K0217, Mã KQ 001009919.00 ban hành ngày 12/11/2024/
This report replaces the Ref. No 3Y669K0217, RP. No 001009919.00 issued on 12/11/2024)

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP YÊN CÔNG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : **Xóm Hồng Quang 2, Xã Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : **07/11/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : **07/11/2024 - 12/11/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Nấm Hương Tươi Cao Bằng**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : **Mẫu chứa trong hộp giấy**
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.016	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
2	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	1.48	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
3	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	1.3x10 ³	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
5	Coliforms (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
6	Escherichia coli (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
7	Staphylococcus aureus (*)	< 10	CFU/g	-	AOAC 975.55
8	Clostridium perfringens (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
9	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020
10	Aflatoxin B ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
11	Aflatoxin (tổng B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*)/ Aflatoxin (sum of B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
12	Cyromazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
13	Deltamethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y669K0217

Mã KQ/ RP. No: 001009919.01

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
14	Diflubenzuron (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (^s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (^s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Handwritten signature of Huỳnh Tấn Cường

HUỶNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG
CHỨNG NHẬN

Cơ sở/Establishment: **TẠ THỊ THU YÊN**

Mã số/Approval number:

Địa chỉ/Address: Xóm Hồng Quang 2, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại/Tel: 0966085384 Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:

1. Sản xuất, chế biến, kinh doanh: Nuôi trồng giống, sản xuất nấm hương

Số cấp/Number: 26/2024/NNPTNT-TPCB

Có hiệu lực đến ngày 12 tháng 12 năm 2027

Valid until (date/month/year)

(*) và thay thế Giấy chứng nhận số:..... cấp ngày tháng.....năm.....

and replaces The Certificate N°..... issued on (day/month/year)

Thành phố Cao Bằng, ngày 12 tháng 12 năm 2024



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Châu